

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2025/HNGĐ-ST

Ngày 24-4-2025

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thúy Nga

2. Ông Lê Hoàng Phúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Tốt - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Số nhà U2, đường T2, tổ V2, thôn X2, xã T, huyện Đ1, tỉnh B.

- Bị đơn: Ông Trần Văn C, sinh năm 1969; Nơi cư trú: Số nhà U2, đường T2, tổ V2, thôn X2, xã T, huyện Đ1, tỉnh B.

Bà H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, ông C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 18/12/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông Trần Văn C tự nguyện tìm hiểu nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ1, tỉnh B và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 61, ngày 02/10/2012.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông C không hiểu và không tin tưởng, hay nghi ngờ bà H. Từ đó ông C thường xuyên gây sự, chửi mắng, cãi nhau với bà H. Cho đến nay, bà H cảm thấy không thể hòa hợp với ông C được nữa.

Nay bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy, bà H yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn C.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung tên Trần Văn Q, sinh năm 1998, Trần Thị Ng, sinh năm 2000, Trần Quốc Th1, sinh năm 2004 và Trần Quốc Th2, sinh năm 2014. Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Trần Văn C đã được Toà án thông báo tham gia tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng ông C không đến Toà án làm việc, không có yêu cầu phản tố nào, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

- Ngày 14/3/2025, Tòa án xác minh với anh Trần Văn Q là con trai của bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn C về tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng trong quá trình chung sống giữa bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn C tại nơi cư trú và được cung cấp: Ông C có đăng ký thường trú và sinh sống tại số nhà U2, đường T2, tổ V2, thôn X2, xã T, huyện Đ1, tỉnh B. Trong quá trình chung sống, ông C và bà H thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân là do ông C hay kiêu có gây sự trách móc, chửi mắng bà H. Nhiều lần anh Quân khuyên ngăn nhưng ông C vẫn không thay đổi. Theo anh Quân thì mâu thuẫn giữa ông C, bà H đã rất trầm trọng, khó hàn gắn được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn không chấp hành theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

+ Về nội dung vụ án: Thấy rằng năm 2012, bà H, ông C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ1, tỉnh B, do đó hôn nhân là hợp pháp. Mâu thuẫn giữa vợ chồng bà H, ông C đã trầm trọng thể hiện ở việc vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, ông C thường gây sự, chửi mắng, cãi nhau với bà H. Bà H cương quyết muốn ly hôn, ông C được Tòa án mời làm việc nhưng không tham gia, không quan tâm đến việc bà H khởi kiện, nay bà H yêu cầu ly hôn cần chấp nhận; Về con chung, về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Bà H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết là có cơ sở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 10/4/2025 và ngày 24/4/2025 nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227, 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn C tự nguyện tìm hiểu nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ1, tỉnh B và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 61/2012, quyển số 01/2011 ngày 02/10/2012, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Trong quá trình chung sống, bà Nguyễn Thị H cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông C không hiểu và không tin tưởng, hay nghi ngờ bà H. Từ đó ông C thường xuyên gây sự, chửi mắng, cãi nhau với bà H. Cho đến nay, bà H cảm thấy không thể hòa hợp với ông C được nữa. Nay bà H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy, bà H yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn C.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và đã nhiều lần triệu tập ông Trần Văn C đến làm việc để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông C không có mặt. Bên cạnh đó, bà Nguyễn Thị H cũng có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải với ông Trần Văn C. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng của ông, bà đã thực sự không còn và cả hai bên đều không muốn hàn gắn.

[4] Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích đó, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Việc ông Trần Văn C bỏ mặc không quan tâm đến hòa giải đoàn tụ để hàn gắn quan hệ hôn nhân, cho thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà H và ông C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu được ly hôn của bà Nguyễn Thị H.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 04 con chung tên Trần Văn Q, sinh năm 1998, Trần Thị Ng, sinh năm 2000, Trần Quốc Th1, sinh năm 2004 và Trần Quốc Th2, sinh năm 2014. Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét là có cơ sở.

[6] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp ly hôn của bà Nguyễn Thị H đối với ông Trần Văn C. Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 8, 9, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Trần Văn C về việc ly hôn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Trần Văn C.

1.2. Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung tên Trần Văn Q, sinh năm 1998, Trần Thị Ng, sinh năm 2000, Trần Quốc Th1, sinh năm 2004 và Trần Quốc Th2, sinh năm 2014. Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

1.3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005125 ngày 14/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- UBND xã T, huyện Đ1, tỉnh B;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Mỹ Dung